UBND XÃ TRỊ AN **TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/QĐ-THCSLQĐ	*Trị An, ngày 03 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng năm 2026 của Trường THCS Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 73/2026/ND-CP ngày 10/03/2026 của Thủ tướng - Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật ngân sách;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài vụ Trường THCS Lê Quý Đôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 3 tháng năm 2026 của Trường THCS Lê Quý Đôn (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: - Phòng Kinh tế; - Lưu : KT.	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** U.B.N.D XÃ TRỊ AN TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN CỘNG HÒA **Hồ Thị Ngọc Hằng**

Được quét bằng CamScanner

UBND PHƯỜNG TRỊ AN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trị An, ngày 03 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN

V/v thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2026 của Trường THCS Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 73/2026/ND-CP ngày 10/03/2026 của Thủ tướng - Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật ngân sách;

Hôm nay, vào lúc 14h00 ngày 03 tháng 04 năm 2026, tại Trường THCS Lê Quý Đôn.

I. Thành phần gồm:

1. Bà Hồ Thị Ngọc Hằng – Hiệu Trưởng - Chủ tịch hội đồng.

2. Bà Dương Thị Thu Hà – Người lập biên bản

Cùng toàn bộ thành viên Ban liên tịch của Trường THCS Lê Quý Đôn.

II. Nội dung : Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2026 với nội dung sau:

1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý I năm 2026.

2. Số tiền :

2.1. Nguồn kinh phí thường xuyên không giao tự chủ :

- Dự toán giao : 833.277.000 đồng
- Đã thực hiện chi : 74.000.000 đồng

2.2. Nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ :

- Dự toán giao : 15.775.978.000 đồng
- Đã thực hiện chi : 3.734.572.242 đồng

Được quét bằng CamScanner

3. Nội dung chi: Theo bảng thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2026.

4. Thời gian công khai :

+ Thời gian bắt đầu công khai : Vào lúc 14h00 ngày 03 tháng 04 năm 2026

+ Thời gian kết thúc công khai : Vào lúc 14h00 ngày 18 tháng 04 năm 2026.

5. Hình thức công khai: Dán niêm yết tại bảng thông tin nội bộ và trên trang web của nhà trường.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN	HIỆU TRƯỞNG
Dương Thị Thu Hà	Hồ Thị Ngọc Hằng

Được quét bằng CamScanner

Mẫu biểu số 75

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

(03 tháng/06 tháng/ 09 tháng/ cả năm)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Trường THCS Lê Quý Đôn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	***0***	***0***	***0***	
I	**Số thu phí, lệ phí**	***0***	***0***	***0***	
1	Lệ phí				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí …				
	Phí …				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	***0***	***0***	***0***	
1	***Chi sự nghiệp……..***	***0***	***0***	***0***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	***Chi quản lý hành chính***	***0***	***0***	***0***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	***0***	***0***	***0***	
1	***Lệ phí***	***0***	***0***	***0***	
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí	***0***	***0***	***0***	
	Phí ….				
	Phí ….				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**16.609.255.000**	**3.808.572.242**	**22,93%**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**16.609.255.000**	**3.808.572.242**	**22,93%**	

Được quét bằng CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	**Chi quản lý hành chính**	*0*	*0*	*0*	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa họ, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	*0*	*0*	*0*	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*				
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**16.609.255.000**	**3.808.572.242**	**22,93%**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.775.978.000	3.734.572.242	23,67%	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	833.277.000	74.000.000	8,88%	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	*0*	*0*	*0*	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**	*0*	*0*	*0*	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	**Chi hoạt động kinh tế**	*0*	*0*	*0*	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	*0*	*0*	*0*	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	*0*	*0*	*0*	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	*0*	*0*	*0*	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	*0*	*0*	*0*	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	**Nguồn vốn viện trợ**	*0*	*0*	*0*	

Được quét bằng CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	**Chi quản lý hành chính**	*0*	*0*	*0*	
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	*0*	*0*	*0*	
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	*0*	*0*	*0*	
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	*0*	*0*	*0*	
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**	*0*	*0*	*0*	
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**	*0*	*0*	*0*	
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	*0*	*0*	*0*	
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	*0*	*0*	*0*	
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	*0*	*0*	*0*	
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	*0*	*0*	*0*	
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	*0*	*0*	*0*	
1	**Chi quản lý hành chính**	*0*	*0*	*0*	
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	*0*	*0*	*0*	
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	*0*	*0*	*0*	
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Được quét bằng CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	*0*	*0*	*0*	
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**	*0*	*0*	*0*	
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**	*0*	*0*	*0*	
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	*0*	*0*	*0*	
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	*0*	*0*	*0*	
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	*0*	*0*	*0*	
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	*0*	*0*	*0*	
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Trị An, ngày 03 tháng 04 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

U.B.N.D XÃ TRỊ AN T. ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

Hồ Thị Ngọc Hằng

Được quét bằng CamScanner

UBND XÃ TRỊ AN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND Xã Trị An V/v Giao dự toán thu Ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương trên địa bàn xã Trị An năm 2026;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2026 của Trường THCS Lê Quý Đôn;

Trường THCS Lê Quý Đôn báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2026, cụ thể như sau:

Chi sự nghiệp giáo dục quý I năm 2026 với tổng số tiền 3.808.572.242 đồng, chiếm tỷ lệ 22,93% so với tổng dự toán. Trong đó:

1. Nguồn kinh phí thường xuyên không giao tự chủ

- Dự toán giao: 833.277.000 đồng.
- Chi: 74.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 8,88% so với dự toán.

Trong đó:

- Chi thanh toán cho cá nhân : 74.000.000 đồng

+ Chi hỗ trợ Tết nguyên đán năm 2026 cho CB-GV-NV: 72.000.000 đồng.

+ Chi khen thưởng thành tích đột xuất: 2.000.000 đồng

2. Nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ

- Dự toán: 15.775.978.000 đồng
- Chi: 3.734.572.242 đồng, chiếm tỷ lệ 23,67% so với dự toán.

Trong đó:

Được quét bằng CamScanner

2.1. Chi thanh toán cá nhân: **3.598.247.834** *đồng*

+ Chi lương theo ngạch, bậc: 1.923.565.800 đồng
+ Chi tiền công HĐ theo NĐ111/2022/NĐ-CP: 58.064.850 đồng.
+ Chi phụ cấp chức vụ: 24.219.000 đồng
+ Chi phụ cấp khu vực: 83.557.500 đồng
+ Chi phụ cấp làm đêm, thêm giờ: 18.070.176 đồng
+ Chi phụ cấp độc hại: 2.106.000 đồng
+ Chi phụ cấp ưu đãi: 560.514.240 đồng
+ Chi phụ cấp trách nhiệm: 3.510.000 đồng
+ Chi phụ cấp thâm niên: 412.515.090 đồng
+ Chi đóng gop Bảo hiểm xã hội: 413.915.843 đồng
+ Chi đóng góp Bảo hiểm y tế: 70.957.002 đồng
+ Chi đóng góp Bảo hiểm thất nghiệp: 23.652.333 đồng
+ Chi trợ cấp Tết năm 2026 cho HĐ NĐ111/2022/NĐ-CP: 3.600.000 đồng.

2.2. Chi về hàng hoá, dịch vụ : 125.368.788 đồng

+ Chi tiền điện: 21.296.762 đồng
+ Chi tiền nước: 3.714.500 đồng
+ Chi vật tư văn phòng khác : 7.917.000 đồng
+ Chi tiền cước điện thoại : 222.234 đồng
+ Chi tiền cước internet : 1.952.400 đồng
+ Chi tiền xe công tác phí : 200.000 đồng
+ Chi phụ cấp công tác phí : 560.000 đồng
+ Chi khoán công tác phí : 4.200.000 đồng
+ Chi thuê phương tiện vận chuyển : 3.500.000 đồng
+ Chi thuê lao động trong nước : 19.000.000 đồng
+ Chi phí thuê mướn khác : 13.100.000 đồng
+ Chi sửa chữa các thiết bị công nghệ thông tin : 4.925.000 đồng
+ Chi sửa chữa đường điện, cấp thoát nước : 6.162.480 đồng
+ Chi sửa chữa tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác : 8.500.000 đồng
+ Chi mua hàng hoá vật tư chuyên môn : 6.447.212 đồng
+ Chi khác dùng cho chuyên môn : 18.511.200 đồng
+ Chi mua, bảo trì phần mềm CNTT : 5.160.000 đồng

Được quét bằng CamScanner

2.3. Chi các khoản khác : 10.955.620 đồng

+ Chi các khoản khác : 10.955.620 đồng

3. Đánh giá

Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời đảm bảo kịp thời các khoản chi chế độ cho cán bộ, viên chức, người lao động. Việc điều hành chi được bám sát nhiệm vụ theo dự toán đã được giao, theo đúng quy định pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2026 của Trường THCS Lê Quý Đôn.

Nơi nhận:
- Trang TTĐT Trường THCS LQĐ ;
- CBGVNV trường;
- Lưu: VT.

(*Hồ sơ công khai*)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

Hồ Thị Ngọc Hằng

Được quét bằng CamScanner